

Số: ~~2667~~QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu,
nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025 với các nội dung như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện, đồng bộ về tổ chức, cơ chế tài chính, quản lý, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ; hoàn thiện cơ sở pháp lý quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với định hướng chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm nguyên tắc công khai minh bạch và công bằng, kết hợp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành.

2. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ đồng thời chú trọng nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng để phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh – quốc phòng thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn. Chú trọng xây dựng và thúc đẩy các giải pháp thu hút nguồn lực xã

hội đặc biệt là từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh.

3. Tiếp tục thúc đẩy các giải pháp đồng bộ để phát triển thị trường khoa học và công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

4. Tiếp cận, khai thác triệt để kết quả, thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, làm chủ và ứng dụng nhanh chóng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới.

5. Tăng cường đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế và truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

II. MỤC TIÊU

Cùng với việc thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn đến 2025 của quốc gia cần đạt được các mục tiêu cụ thể sau đây:

1. Từng bước hoàn thiện chính sách, pháp luật và tập trung nguồn lực để thực hiện nội dung đột phá chiến lược về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các viện nghiên cứu và trường đại học, hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp để góp phần vào tăng trưởng kinh tế. Phần đầu đóng góp tỷ lệ của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt mức 50%.

3. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp vai trò vào phát triển công nghiệp mũi nhọn, trọng tâm là công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại nền kinh tế và nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

4. Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương chính sách phát triển đất nước, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

5. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) không ngừng được cải thiện, phần đầu thuộc nhóm 42 quốc gia hàng đầu thế giới.

6. Duy trì mức chi của Nhà nước cho khoa học và công nghệ từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Đẩy mạnh việc huy động đa dạng các nguồn lực để đến 2025 đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt tối thiểu 1,2% GDP và tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt trong khoảng từ 0,8% đến 1% , trong đó đóng góp của nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 60% - 65%.

7. Tiếp tục đổi mới cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công lập, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Phần đầu có từ 25 đến 30 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới. Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 10 người trên một vạn dân.

8. Số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng tối thiểu 1,5 lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 30%.

9. Tập trung nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Tập trung xây dựng năng lực công nghệ cốt lõi thúc đẩy tiêu chuẩn, đo lường năng suất chất lượng và phát triển công nghệ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh. Chuyển đổi số các quy trình quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sẵn sàng tiến tới quản lý, tác nghiệp 100% trên môi trường mạng.

10. Số lượng công bố quốc tế tăng trung bình 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng tối thiểu 12% - 14%/năm; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng tối thiểu 10% - 12%/năm, 8% - 10% trong số đó được đăng ký bảo hộ ở nước ngoài; tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 6% - 8% số sáng chế được cấp bằng bảo hộ. Phát triển được hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế mạnh mẽ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thuộc nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và tập trung nguồn lực để thực hiện các nội dung chiến lược về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1.1. Nghiên cứu, rà soát sửa đổi hoàn thiện hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các pháp luật liên quan để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1.2. Xây dựng cơ sở pháp lý triển khai các cơ chế thí điểm, thử nghiệm và

đặc thù với các loại hình/mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1.3. Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, có tác động lan tỏa đến doanh nghiệp trong nước.

1.4. Hoàn thiện cơ sở pháp lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; xây dựng hoàn thiện cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI).

1.5. Sửa đổi đồng bộ các quy định về quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp theo hướng công khai, minh bạch, khách quan, phù hợp với tiêu chí kết quả đầu ra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao, xử lý tài sản hình thành trong nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia đóng góp kinh phí cùng với ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chuyển đổi số quy trình quản lý, cơ sở dữ liệu các nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đổi mới cơ chế tài chính cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước theo hướng thông thoáng, tạo thuận lợi cho các nhà khoa học, đồng thời hướng đến sản phẩm cuối cùng, lấy kết quả nghiên cứu làm mục tiêu.

1.6. Rà soát, thống nhất việc hoạch định cơ chế, chính sách và định hướng chiến lược, quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhân lực thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp.

1.7. Rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về đánh giá khoa học và định giá công nghệ. Tăng cường phát triển hệ thống dự báo, đánh giá trình độ, năng lực công nghệ sản xuất, lộ trình đổi mới công nghệ của một số lĩnh vực ưu tiên và một số lĩnh vực gắn với sự đầu tư của doanh nghiệp có thế mạnh của Việt Nam.

1.8. Định kỳ thực hiện đo lường và đánh giá hiệu quả, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các tổ chức khoa học và công nghệ theo các chuẩn mực quốc tế.

1.9. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cả trong nước và ngoài nước; khuyến khích doanh nghiệp thành lập và tăng quy mô các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, sử dụng hiệu quả Quỹ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ; thúc đẩy hợp tác giữa các viện nghiên cứu với trường đại học thông qua đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung; khuyến khích hợp tác công - tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1.10. Xây dựng cơ chế và đề xuất triển khai áp dụng khung thể chế thử

nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong một số dự án khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên nguồn lực để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh công nghệ mới là động lực chính của tăng trưởng kinh tế.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện vai trò trung tâm trong điều phối, liên kết với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và doanh nghiệp về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ trực tiếp phát kinh tế - xã hội.

2.1. Triển khai thực hiện quản lý thống nhất, tăng cường gắn kết giữa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; phân bổ nguồn lực phù hợp để giải quyết những vấn đề có tính chất liên ngành, liên vùng, bảo đảm cho việc phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả.

2.2. Phối hợp cùng với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để điều phối, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các tổ chức khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

2.3. Đẩy mạnh hoạt động đánh giá, định giá công nghệ, định giá tài sản trí tuệ; Thẩm định, có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư theo hướng ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ khuyến khích chuyển giao, thân thiện môi trường; tăng cường, phối hợp quản lý hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

2.4. Rà soát, điều chỉnh, xây dựng cơ chế chính sách mang tính đột phá nhằm đẩy mạnh hoạt động liên kết hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các vùng kinh tế trọng điểm để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và vùng. Xây dựng và thực hiện đo lường đổi mới sáng tạo cấp địa phương.

2.5. Tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia theo các định hướng phát triển nghiên cứu khoa học ưu tiên; định hướng phát triển, ứng dụng công nghệ; định hướng hoạt động đổi mới sáng tạo.

2.6. Bổ sung, nâng cấp cơ sở dữ liệu chuyên gia với yêu cầu đảm bảo về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý của ngành.

3. Hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là các chủ thể nghiên cứu mạnh.

3.1. Đối với doanh nghiệp.

- Tăng cường tổ chức xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để phát triển mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tạo động lực đột phá cho

đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Thúc đẩy việc xây dựng, liên kết và phát triển các Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và các mạng lưới đổi mới sáng tạo, mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo khác trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng chính sách, cơ chế thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng cơ chế hợp tác công - tư trong đầu tư mạo hiểm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai đồng bộ, tổng thể các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp thông qua các hoạt động hỗ trợ về đổi mới, làm chủ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ, thông tin về khoa học và công nghệ ...

- Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp khuyến khích doanh nghiệp thành lập các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Việt Nam. Hỗ trợ tăng cường liên kết giữa các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước.

3.2. Đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách, giải pháp để các tổ chức khoa học và công nghệ trở thành hạt nhân nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thực hiện vai trò đầu mối định hướng nội dung hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý điều hành các chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; doanh nghiệp khởi nguồn công nghệ (Spin-off); phối hợp với bộ, cơ quan trung ương có liên quan để xây dựng cơ chế khuyến khích các nghiên cứu viên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở doanh nghiệp; triển khai chương trình, nhiệm vụ ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong tổ chức khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và triển khai quy hoạch hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam để định hướng các nhiệm vụ đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước, tạo mối liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp, củng cố hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới cơ chế, tăng cường chính sách ưu đãi đặc thù để xây dựng thành công mô hình Viện Khoa học công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc (VKIST) – mô hình Viện nghiên cứu ứng dụng hàng đầu theo đúng định hướng Chính phủ hai nước Việt Nam và Hàn Quốc đã đề ra.

- Rà soát, đánh giá để đề xuất sửa đổi, hoàn thiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công .

3.3. Đối với nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

- Xây dựng, triển khai cơ chế ưu tiên tăng cường tiềm lực, hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu mạnh tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Nuôi dưỡng, xây dựng và thực hiện chương trình phát hiện và bồi dưỡng các nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng.

- Tháo gỡ các vướng mắc trong thực thi các chính sách đào tạo, thu hút tạo nguồn nghiên cứu viên khoa học và công nghệ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

- Xây dựng và triển khai các chương trình khoa học và công nghệ cụ thể để thu hút và khai thác có hiệu quả các nhà khoa học trong và ngoài nước, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc.

- Đầu tư xây dựng đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, từng bước nâng cao tiêu chuẩn tiệm cận với tiêu chuẩn ở các nước phát triển; cử cán bộ khoa học Việt Nam đi làm việc, học tập tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp ở nước ngoài.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp, về liêm chính học thuật trong nghiên cứu khoa học phù hợp thông lệ quốc tế.

- Xây dựng và phát huy các phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong các tầng lớp nhân dân, người lao động trong các lĩnh vực để xây dựng, phát huy nguồn nhân lực có khả năng nghiên cứu, cải tiến, sáng tạo từ thực tiễn lao động sản xuất.

- Phối hợp cải cách đồng bộ chính sách tiền lương, thu nhập theo hướng dựa trên năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.

3.4. Đối với hạ tầng cho khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư, hỗ trợ và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao quốc gia, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung theo mô hình tiên tiến thế giới.

- Rà soát, đánh giá thực trạng, đề xuất định hướng và giải pháp phát triển và sử dụng hiệu quả hệ thống Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

- Xây dựng, triển khai Đề án “Phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ và hội nhập quốc tế” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển Hệ tri thức Việt số hoá, hình thành hệ thống nền tảng với các chức năng và công cụ cho phép thu thập, xử lý và chia sẻ các dữ liệu dùng chung trong các lĩnh vực, góp phần phát triển công nghiệp nội dung số của Việt Nam, định hướng việc sử dụng

tri thức của người dùng trên môi trường mạng.

- Xây dựng, phát triển và hoàn thiện hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ cho phép cập nhật, quản lý dữ liệu về các nguồn lực khoa học và công nghệ theo thời gian thực. Triển khai Đề án Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) trong hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đầu tư phát triển các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện chức năng ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thông tin, thống kê khoa học và công nghệ ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Tập trung xây dựng nâng cao năng lực công nghệ cốt lõi, thúc đẩy năng suất chất lượng, tận dụng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Triển khai hiệu quả, đồng bộ và có trọng điểm các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia theo nội dung tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, phục vụ hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung phát triển nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ lõi.

- Tăng cường phát huy vai trò dự báo chiến lược về xu thế phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nghiên cứu, phát triển và ứng dụng một số nhóm công nghệ ưu tiên để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dựa trên thực tiễn của Việt Nam. Xây dựng, tổ chức thực hiện một số chương trình, dự án khoa học và công nghệ quan trọng với sự tham gia của cả khu vực công và tư để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đầu tư nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo đến năm 2030

- Nghiên cứu phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc thành trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung trong đó tập trung hỗ trợ cho hoạt động của các trung tâm nghiên cứu và phát triển trong Khu với các cơ chế chính sách ưu đãi, đặc biệt là phối hợp, hỗ trợ với Viện VKIST và Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia để nghiên cứu khoa học, thử nghiệm và phát triển công nghệ tiên tiến.

5. Đổi mới cơ chế tài chính, phương thức quản lý tài chính các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Xây dựng cơ chế quản lý tài chính hoạt động khoa học theo hướng phù hợp với thông lệ quốc

tế để giảm bớt thủ tục hành chính.

- Phối hợp với Bộ Tài chính:

+ Xây dựng cơ chế, hướng dẫn về hạch toán tài chính khi doanh nghiệp đầu tư vào khoa học và công nghệ; tiếp tục sửa đổi cơ chế để khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

+ Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; thực hiện quản lý tài chính nhiệm vụ theo cơ chế hậu kiểm, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

+ Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi nhằm đồng bộ các quy định của pháp luật về thuế và quy định pháp luật về khoa học và công nghệ để triển khai có hiệu quả các cơ chế ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cho đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ; đề xuất xây dựng cơ chế ưu đãi thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

+ Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các cơ chế, chính sách về mua sắm công để tạo động lực khuyến khích cho việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới, phát triển công nghệ của doanh nghiệp.

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương để tháo gỡ các vướng mắc, hạn chế các thủ tục hành chính trong vấn đề liên doanh, liên kết hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp, vấn đề thương mại hóa các sản phẩm là kết quả nghiên cứu khoa học từ các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

6. Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Bổ sung xây dựng cơ sở dữ liệu số về thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Ưu tiên các doanh nghiệp sử dụng công nghệ thân thiện môi trường.

- Hoàn thiện chính sách pháp luật ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu để có giải pháp phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ trường đại học, viện nghiên cứu.

- Hàng năm tổ chức Hội nghị về doanh nghiệp khoa học và công nghệ; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư với xúc tiến

thị trường khoa học và công nghệ; kết nối các sản phẩm giao dịch công nghệ quốc gia tại các tỉnh, thành phố tạo thành mạng lưới thống nhất, toàn diện để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đổi mới công nghệ, thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Thực thi hỗ trợ, phát triển và nâng cao năng lực hoạt động các tổ chức trung gian trong tư vấn chuyên giao công nghệ bao gồm: Đánh giá công nghệ, định giá công nghệ, tài sản trí tuệ, giám định công nghệ, tư vấn chuyên giao công nghệ, môi giới chuyên giao công nghệ, xúc tiến chuyên giao công nghệ.

7. Sở hữu trí tuệ, Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ứng dụng năng lực nguyên tử và bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tập trung nguồn lực để triển khai có chất lượng và hiệu quả Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

- Thúc đẩy triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai các giải pháp để đẩy mạnh công tác xử lý đơn đăng ký, xác lập quyền Sở hữu trí tuệ; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, đổi mới sáng tạo, hoạt động truy xuất nguồn gốc, quy trình truy xuất nguồn gốc; tập trung xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cho các lĩnh vực trọng điểm, các nhóm sản phẩm có thế mạnh xuất khẩu.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn lực trong xã hội để đóng góp phát triển hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đánh giá sự phù hợp, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa; triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ sản xuất các thiết bị khoa học công nghệ đo lường; tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế; thúc đẩy triển khai việc xây dựng và áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả của Việt Nam trong các tổ chức khu vực và quốc tế về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, từ đó có giải pháp để tăng cường vai trò của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam là thành viên; Triển khai có hiệu quả nội dung liên quan đến TBT/STRACAP trong các hiệp định thương mại tự do đã ký kết đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phát triển ứng dụng năng lực nguyên tử, bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân nhằm đẩy mạnh phát triển ứng dụng năng lực nguyên tử vì mục đích hòa bình.

8. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ góp phần củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8.1. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Ưu tiên đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

8.2. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược, quốc gia tiên tiến về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các kế hoạch hợp tác dài hạn; thúc đẩy sự tham gia hiệu quả vào các thiết chế đa phương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường triển khai các chương trình nghiên cứu hợp tác quốc tế, các nhiệm vụ hợp tác song phương với các quốc gia tiên tiến hướng tới giải quyết những vấn đề thực tiễn của Việt Nam. Khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ hình thành quan hệ đối tác chiến lược trong nghiên cứu và phát triển công nghệ với các tổ chức khoa học và công nghệ của nước ngoài.

- Thu hút chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia quốc tế tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam nhằm góp phần thúc đẩy lưu chuyển tri thức và công nghệ từ nước ngoài về Việt Nam. Đẩy mạnh giao lưu, trao đổi học thuật, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam và khuyến khích tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở nước ngoài; tăng cường hoạt động triển lãm, truyền bá các thành tựu khoa học và công nghệ mới, tiên tiến của Việt Nam và thế giới.

- Mở rộng, phát huy, sử dụng hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

9. Chuyển đổi số và hiện đại hoá hoạt động quản lý nhà nước, doanh nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường công tác truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

9.1. Chuyển đổi số và hiện đại hoá hoạt động quản lý nhà nước, doanh nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Số hóa hoạt động quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu khoa học để nắm chắc các nguồn lực khoa học và công nghệ trong phạm vi toàn quốc. Sử dụng công nghệ số để kết nối, hỗ trợ mạng lưới các nhà quản lý, nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp trong toàn quốc.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2030. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện liên quan đến

hoạt động khoa học và công nghệ trong việc đầu tư kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành; cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Nghiên cứu, triển khai áp dụng thí điểm các tiêu chuẩn mới trong lĩnh vực hành chính công, chú trọng việc áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 – Hệ thống quản lý chất lượng – Hướng dẫn áp dụng TCVN ISO 9001:2015 tại chính quyền địa phương.

- Triển khai Đề án chuyển đổi số lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia và chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

9.2. Tăng cường thông tin, truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đổi mới phương thức và tăng cường truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng kế hoạch nhằm tăng tần suất truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với nhiều hình thức trên các phương tiện truyền thông đại chúng; triển khai áp dụng một số loại hình truyền thông mới, hiện đại trên các nền tảng số; gắn kết hoạt động truyền thông với các sự kiện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tổ chức thường niên, định kỳ ở quy mô quốc gia; đẩy mạnh xuất bản, phát hành các ấn phẩm, sách chuyên đề, thông tin phổ biến kiến thức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; từng bước đẩy mạnh truyền thông để nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Hình thành và phát huy vai trò của mạng lưới cộng tác viên truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước; xử lý vi phạm về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường; sử dụng phương tiện đo, phép đo, lượng hàng hóa đóng gói sẵn, trong đó chú trọng hình thức kiểm tra đặc thù về đo lường, chất lượng, đánh giá sự phù hợp, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình và phương hướng mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Quyết định này:

1.1. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đến 2025 và gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch triển khai Quyết định này của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.2. Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan có liên quan của các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng danh mục, mục tiêu, nội dung, kế hoạch và triển khai thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu trong giai đoạn đến 2025.

1.3. Trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến 2025.

2. Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng có liên quan căn cứ vào nội dung của Quyết định này xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn đến 2025; kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

3. Hằng năm, Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu và kế hoạch của năm tiếp theo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trình Bộ trưởng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, Các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Trung ương các đoàn thể chính trị - xã hội;
- UBND, Sở KH&CN các tỉnh/tp;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP, Vụ KHTC.



Huỳnh Thành Đạt